

Bản án số: **140/2021/DS - PT**

Ngày: 11/5/2021

V/v: “*Đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1107/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1929; Địa chỉ: Ridegland, MS 39157, USA; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Ích N, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 404 Lô C, Chung cư T1, phường T1, quận T2, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Tân Thị Th, sinh năm 1942; Địa chỉ: Tổ 1, thôn T3, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1981; Địa chỉ: K574/11 đường T4, quận H2, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Ngô Tấn H3, sinh năm: 1987 và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm: 1987; Cùng địa chỉ: số 131 đường Tr, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng. Đều

vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Xuân Th1, sinh năm: 1973 và bà Trần Thị An L, sinh năm: 1972; Cùng địa chỉ: Tổ 108, phường T7, quận T6, thành phố Đà Nẵng. Điều vắng mặt.

3. Ông Hồ Đ1, sinh năm: 1957 và bà Lê Thị P, sinh năm: 1957; Cùng địa chỉ: thôn A, xã V, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều vắng mặt.

4. Ông Trần Thanh T8, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Tổ 128, phường H5, quận T6, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5. Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng; Địa chỉ: số 25 đường L1, quận H2, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn H6; sinh năm: 1956; Địa chỉ: 272/41 đường Tr, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1954

8. Ông Nguyễn D, sinh năm 1960

9. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1962

10. Ông Nguyễn H7, sinh năm 1964

11. Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1966

12. Bà Nguyễn Thị Bích S, sinh năm 1967

13. Bà Nguyễn Thị Bích H8, sinh năm 1969

14. Ông Nguyễn H9, sinh năm 1970

15. Bà Nguyễn Thị Bích Th2, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ liên hệ: 272/41 đường Tr, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng. Điều vắng mặt.

16. Bà Nguyễn Anh M1, sinh năm: 1945; Địa chỉ: 13426 Whispering Hills Dr, 08 - 04 - 1948 Dallas, TX 75243, USA. Vắng mặt.

17. Bà Nguyễn Ánh T9 (T9 Dương), sinh năm: 1952; Địa chỉ: 5111 s River Run Dr 08 -04 -1952 Tucson, AZ 85746, USA. Vắng mặt.

18. Ông Nguyễn Công V1; sinh năm: 1953; Địa chỉ: 147 Tradition PKWY, 10 -11 -1953 Flowood, MS 39232, USA. Vắng mặt.

19. Ông Nguyễn Công Ph, sinh năm: 1956; Địa chỉ: 2288 Woodbury Ct, 02 - 12 -1956 San Jose, CA 95121, USA. Vắng mặt.

20. Ông Nguyễn Công L2; sinh năm: 1958; Địa chỉ: 209 Emerald Cir, 29 - 07 - 1958 Brandon, MS 39047, USA. Vắng mặt.

21. Ông Nguyễn Công Th4; sinh năm: 1960; Địa chỉ: 208 Sycamore Lane, 10 - 08 - 1960 Madison, MS 39110, USA. Vắng mặt.

22. Bà Nguyễn Ngọc L3; sinh năm: 1961; Địa chỉ: 74 Karen Pl, 10 - 07 -

1961 Edison, NJ 08817, USA. Vắng mặt.

23. Ông Nguyễn Công T10; sinh năm: 1963; Địa chỉ: 121 Willow Cove 01 - 01 - 1963 Ridgeland, MS 39157, USA. Vắng mặt.

24. Ông Nguyễn Công Đ2; sinh năm: 1965; Địa chỉ: 601 Wendover Dr, 22 - 02 - 1965 Ridgeland, MS 39157, USA. Vắng mặt.

25. Ông Nguyễn Công H10; sinh năm: 1966; Địa chỉ: 301 Turtle Hollow, 08 - 04 - 1966 Brandon, MS 39047, USA. Vắng mặt.

26. Bà Nguyễn Thị Ánh H11; sinh năm: 1968; Địa chỉ: 321 Pinewood Lane, 06 - 08 - 1968 Ridgeland, MS 39157, USA. Vắng mặt.

27. Bà Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm: 1969; Địa chỉ: 300 Redbud Place, 14-05 - 1969 Ridgeland, MS 39157, USA. Vắng mặt.

28. Bà Tân Nguyễn Luyện Nh, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 01, thôn T3, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 06/4/2019 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và quá trình tố tụng, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Ích N trình bày:

Ngày 15/2/1963 bà Nguyễn Thị T mua căn nhà và đất tại 131 Đường Tr, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng (số cũ là 206 Đường Tr, quận Nhì, Đà Nẵng) của bà Nguyễn Thị H12 và ông Nguyễn Công H13 (con trai bà H12). Sau khi mua bà T cùng gia đình đã trực tiếp quản lý và sử dụng căn nhà liên tục từ năm 1963 đến năm 1975 không xảy ra bất kỳ tranh chấp nào.

Đến năm 1975 vì Đảng và nhà nước có chính sách khuyến khích các hộ gia đình đăng ký đi tham gia xây dựng vùng kinh tế mới nên bà T cùng gia đình đã tạm thời chuyển đến Trảng Bom, Đồng Nai để chung sức góp phần xây dựng vùng kinh tế mới nhằm phát triển đất nước. Trước khi đi bà T đã làm giấy tờ xin phép chính quyền để lên đường phục vụ chủ trương và chính sách chung của nhà nước.

Do bà Tân Thị Th thấy căn nhà của nguyên đơn vắng chủ nên đã cùng chồng rắp tâm mua căn nhà ở đằng sau nhà của bà T (mua của vợ chồng bà Nguyễn Thị L4 và ông Nguyễn Th3 từ năm 1975). Sau đó bà Th cùng chồng làm các thủ tục kê khai gian lận diện tích và chiếm dụng luôn căn nhà của bà T ở phía trước và đem bán cho ông Nguyễn Quang Đ3 bà Nguyễn Thị Mỹ H14 vào ngày 12/4/1984.

Đến ngày 16/3/1995 ông Đ3 bà H14 bán nhà đất cho ông Lương Công V2 và bà Đỗ Thị Hoàng D2. Ngày 28/02/2001 ông V2 bà D2 bán nhà đất này cho ông Hồ Đ1 và bà Lê Thị P.

Sau này qua nhiều lần chuyển nhượng, nhà đất hiện nay do ông Ngô Tấn H3 và bà Nguyễn Thị H4 quản lý và sử dụng theo hồ sơ chuyển nhượng số 260820.CN.002 ngày 30/11/2017.

Nguyên đơn cho rằng những người nhận chuyển nhượng đất sau này đều ngay tình, nguồn gốc của sự việc là do vợ chồng bà Tân Thị Th cố ý khai gian dối hoặc bằng các thủ đoạn nào đó nhằm chiếm đoạt căn nhà của bà T. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Tân Thị Th phải trả lại giá trị phần diện tích đất đã chiếm với số tiền là: 20.038.000.000 đồng.

Theo Văn bản trình bày ngày 24/6/2019 bị đơn bà Tân Thị Th và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Giữa thời điểm cuối năm 1975 và đầu năm 1976 bà Tân Thị Th có mua một ngôi nhà của ông Nguyễn Th3 số 212/11 đường Tr. Thời gian sau đó bà Th làm thủ tục xin trước bạ sang tên làm nghiệp chủ và đã được Sở nhà đất cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất trong phạm vi số nhà 212/11 Đường Tr, sau Nhà nước đổi thành số 35/1 đường Trần Cao V2, phường T5, quận Nhì, thành phố Đà Nẵng. Khi bà Th mua nhà thì bên cạnh hông nhà phía bên trái có một khoảnh đất trống và có tường rào lưới B40 rào chung quanh. Bà thấy có đất trống nên tận dụng trồng rau màu để cải thiện đời sống và lưu dưỡng cây ăn trái có sẵn và làm lối đi tắt ra đường Tr.

Tháng 7 năm 1982 phường T5 thu tiền hoa lợi trên khoảnh đất đó và yêu cầu ủng hộ để xây dựng cầu lạc bộ thiếu nhi phường ở đó, Bà Th nộp hai khoản là 6.000 đồng Việt Nam, phiếu thu tiền do Chủ tịch phường T5 Trần Thị Minh ký và đóng dấu.

Cuối năm 1982 bà Th bị bệnh nên phải bán nhà để chữa bệnh, bà chỉ bán ngôi nhà 212/11 Đường Tr, số mới là 35 đường Tr, phường T5, quận Nhì, thành phố Đà Nẵng cho ông Nguyễn Quang Đ3. Bà Th chỉ bán nhà của mình còn khoảnh đất nêu trên không nằm trong việc mua bán, kể từ đó về sau bà Th không biết rõ.

Ngày 14/6/2019 bà Th nhận thông báo thụ lý vụ án, nội dung bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Th bồi thường giá trị đất 1.000.000.000 đồng, bà Th đề nghị quý Tòa xem xét làm rõ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của bà Th cho rằng thời điểm năm 1975 bà Th chỉ bán nhà cho ông Đ3 và sau đó ông Đ3 bán cho người khác, đến thời điểm ông Hồ Đ1 bà Lê Thị P kê khai và được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Th không thể biết. Hơn nữa không có căn cứ để cho rằng bà Th đã chiếm dụng và kê khai diện tích đất của bà T nên đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện ủy quyền của bị đơn không có ý kiến gì về giá trị lô đất tranh chấp mà nguyên đơn đưa ra.

Tại các Đơn tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Anh M1, bà Nguyễn Ánh T9, ông Nguyễn Công V1, ông Nguyễn Công L2, ông Nguyễn Công Ph, ông Nguyễn Công Th4, ông Nguyễn Công T10, bà Nguyễn Ngọc L3, ông Nguyễn Công Đ2, ông Nguyễn Công H10, bà Nguyễn Thị Ánh H11, bà Nguyễn Thị

Ánh N1 trình bày:

Các ông bà là con của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công P2. Các ông bà đều hoàn toàn đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Do điều kiện ở xa nên các ông bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, các ông bà xin được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa (kể cả sơ thẩm, phúc thẩm,...)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm quản lý và khai thác nhà thành phố Đà Nẵng có Công văn số 1620/TTQLKTN-QLN ngày 26/6/2019 với nội dung như sau:

Ngôi nhà 131 Đường Tr, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng từ trước đến nay, Trung tâm quản lý và khai thác nhà thành phố Đà Nẵng không quản lý với lý do ngôi nhà này thuộc sở hữu tư nhân. Theo Trích lục sổ nghiệp chủ số 30/TLNC do Sở Nhà đất và CTCC-QNĐN cấp ngày 18/6/1984, năm 1975 ông Nguyễn Th3 và bà Nguyễn Thị L4 bán nhà đất này cho bà Tán Thị Th theo Văn tự lập ngày 04/11/1975 được Ủy ban nhân dân phường T5 xác nhận ngày 12/11/1975. Qua nhiều lần chuyển nhượng, đến nay nhà đất này do ông Ngô Tấn H3 và vợ là bà Nguyễn Thị H4 quản lý sử dụng theo hồ sơ chuyển nhượng số 260820.CN.002 cấp ngày 30/11/2017.

Trung tâm quản lý và khai thác nhà thành phố Đà Nẵng xét thấy việc tranh chấp nhà đất 131 Đường Tr, Đà Nẵng là tranh chấp giữa các cá nhân tư nhân với nhau, Trung tâm không liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H4, ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị D1, ông Nguyễn H7, bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị Bích S, bà Nguyễn Thị Bích H8, ông Nguyễn H9, bà Nguyễn Thị Bích Th2 (con ông Nguyễn Th3 và bà Nguyễn Thị L4), ông Ngô Tấn H3, bà Nguyễn Thị H4, ông Nguyễn Xuân Th1, bà Trần Thị An L, ông Hồ Đ1, bà Lê Thị P, ông Trần Thanh T8 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng quá trình tố tụng đều vắng mặt nên không có bản khai.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 22/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H6 trình bày:

Ông là con ông Nguyễn Th3 và bà Nguyễn Thị L4, cha ông chết năm 2005, mẹ ông chết năm 2012. Cha mẹ ông có 10 người con gồm ông, Nguyễn Thị H4, Nguyễn D, Nguyễn Thị D1, Nguyễn H7, Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Bích S, Nguyễn Thị Bích H8, Nguyễn H9, Nguyễn Thị Bích Th2.

Thời điểm cha mẹ ông bán nhà cho bà Tán Thị Th thì ông đã 17, 18 tuổi nên biết được việc này. Cha mẹ ông có một ngôi nhà tại kiệt Đường Tr và sau đó bán cho bà Tán Thị Th nhưng ông không biết rõ diện tích đất là bao nhiêu. Do tuổi cao nên ông đề nghị giải quyết vắng mặt ông trong các phiên họp và phiên tòa.

Theo Bản trình bày ngày 23/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tán Nguyễn Luyến Nh trình bày:

Bà là con nuôi của bà Tân Thị Th. Năm 1982 mẹ bà có bán ngôi nhà số 212/11 (cũ), số mới là số 35 đường Tr, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng cho người khác để lấy tiền chữa bệnh và sau đó hai mẹ con bà về H1 sinh sống. Do đó, bà khẳng định ngôi nhà nêu trên là tài sản riêng của mẹ bà. Bản thân bà khi đó còn nhỏ không có đóng góp gì, bà không liên quan gì đến việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện mẹ bà, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 28 - 9 - 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ Điều 33 Luật Đất đai năm 1993; Khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166, 168 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 157, 227, 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc bà Tân Thị Th trả giá trị lô đất tranh chấp tại 131 Đường Tr, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng với số tiền 20.038.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 10 năm 2020, bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm dân sự số 49/2020/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- + Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự;

- + Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; nhận thấy:

[1.1]. Về quá trình sử dụng nhà đất của bà Nguyễn Thị T: Theo giấy chuyển nhượng nhà đất ngày 15/02/1963 có chứng nhận của khu phố TH thể hiện bà Nguyễn Thị T có mua khoảnh đất nhà số 206 Đường Tr, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng. Trong giấy chuyển nhượng này không thể hiện diện tích nhà,

đất là bao nhiêu; không ghi nhận có giấy tờ nghiệp chủ nhà đất. Đến năm 1975 bà T cùng gia đình đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Trảng Bom, Đồng Nai; năm 1980 bà T xuất cảnh định cư tại Hoa Kỳ theo diện đoàn tụ gia đình từ đó đến nay; từ năm 1975 đến nay bà không kê khai, sử dụng diện tích đất này.

Đồng thời theo lời trình bày của bà Tán Thị Th, khi bà mua nhà và về ở thì thấy bên cạnh hông nhà phía bên trái có một mảnh đất trống nên bà tận dụng trồng rau màu để cải thiện đời sống và lưu dưỡng cây ăn trái có sẵn; Năm 1982 phường TH có thu tiền hoa lợi trên khoảnh đất đó là 3.000 đồng; Tại Phiếu thu số 13 ngày 17/7/1982 của phường TH (BL. 164) thể hiện họ tên người nộp là Tán Thị Th, lý do thu là “Thu tiền về hoa lợi công sản đất đai”. Như vậy thể hiện diện tích đất trên bà T không kê khai, đăng ký nên nhà nước đã quản lý, khi bà Th sử dụng trồng hoa màu trên đất công sản nên phải nộp tiền hoa lợi cho phường, chứ không kê khai, sử dụng, lấn chiếm của Nhà nước hay của người khác.

[1.2]. Về quá trình sử dụng nhà đất của bà Tán Thị Th; nhận thấy: Theo giấy bán nhà lập ngày 04/11/1975 có xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền, thể hiện bà Tán Thị Th có nhận chuyển nhượng căn nhà số 212 đường Tr của vợ chồng ông Nguyễn Th3, bà Nguyễn Thị L4: Căn nhà gác lợp tôn, diện tích nhà 54m², diện tích đất vườn 70m²; tứ cận: Đông giáp nhà ông Nguyễn Định; Tây giáp nhà bà Nguyễn Thị L5; Nam giáp nhà bà Nguyễn Thị N2; Bắc giáp khoảnh đất trống; căn nhà tọa lạc trên lô đất công thuộc khối TH, phường T5 (BL. 120).

Theo tài liệu do Trung tâm quản lý và khai thác nhà thành phố Đà Nẵng và Văn phòng đăng ký đất đai quận T6 cung cấp thể hiện: Căn nhà bà Tán Thị Th nhận chuyển nhượng được Sở nhà đất và CTCC tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng lúc bấy giờ đã cấp Sổ Trích lục nghiệp chủ nhà ở số 30/TLNC ngày 18/6/1984 cho bà Tán Thị Th, với diện tích xây dựng được công nhận là 100m²; kết cấu nhà 2 tầng, mái tôn, sàn đúc, tường xây, nền gạch hoa, xi măng; thuộc số nhà 35 đường Tr, tổ dân phố 5, phường T5 (BL. 121-123). Đến ngày 12/4/1984, bà Th chuyển nhượng ngôi nhà trên cho ông Nguyễn Quang Đ3, bà Nguyễn Thị Mỹ H14. Ngày 16/3/1995, ông Đ3, bà H14 chuyển nhượng cho ông Lương Công V2, bà Đỗ Hoàng Bích D2. Ngày 28/02/2001, ông V2, bà D2 tiếp tục chuyển nhượng cho ông Hồ Đ1, bà Lê Thị P. Tuy không thu thập được hồ sơ chuyển nhượng nhà đất giữa bà Th với ông Nguyễn Quang Đ3, bà Nguyễn Thị Mỹ H14, nhưng theo Sổ nghiệp chủ nhà ở thể hiện trong quá trình chuyển dịch không có biến động về diện tích). Như vậy thể hiện không có sự việc bà Tán Thị Th lấn chiếm đất của Nhà nước hoặc của người khác để chuyển nhượng trái phép.

Từ viện dẫn và phân tích tại Mục [1.1], [1.2] nêu trên, xét thấy án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Nguyễn Thị T kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 33 Luật Đất đai năm 1993; Khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166, 168 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc bà Tân Thị Th trả giá trị lô đất tranh chấp tại 131 Đường Tr, phường T5, quận T6, thành phố Đà Nẵng.

2. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền số 0002738 ngày 16/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào